

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2025.

*Về “Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Ngọc Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ.

Ông Mai Xuân Thường.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: không.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 622/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Phan Đức V, sinh ngày 12/8/1988

Địa chỉ thường trú: xóm K, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện tại: số G J, C, New South W 2166, Australia, vắng mặt (có văn bản xin vắng mặt).

Người được nguyên đơn ủy quyền giao, nhận tài liệu: chị Lê Thị D, sinh 1996. Nơi cư trú: số B - B P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 24/6/1989

Địa chỉ thường trú: xóm K, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện tại: Căn VA1901, chung cư T, số A, đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn - anh Phan Đức V trình bày như sau:

Anh Phan Đức V và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/10/2012, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Đến khoảng tháng 6/2013, anh V sang Australia sinh sống và làm việc cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc

với nhau, tình cảm bình thường. Tuy nhiên do khoảng cách địa lý xa xôi và tính chất công việc bận rộn, vợ chồng không có nhiều thời gian nói chuyện cũng như quan tâm, chia sẻ với nhau nên đầu năm 2020 đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, hai bên thường cãi vã do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh V thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh V được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: anh V, chị P có 01 con chung là Phan Nguyễn Thành A, sinh ngày 05/11/2013, hiện đang sống cùng chị Nguyễn Thị P tại địa chỉ: C, Chung cư T, số A đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ly hôn, anh V đồng ý giao con chung là Phan Nguyễn Thành A cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn - chị Nguyễn Thị Phương trình B: chị P thừa nhận về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh Phan Đức V đã khai. Tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh V không còn. Nay anh V khởi kiện ly hôn, thì chị P đồng ý ly hôn.

Về con chung: chị P thống nhất lời khai của anh V về con chung và nhất trí nguyện vọng của anh V về việc nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Về tài sản chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Phan Nguyễn Thành A: bố mẹ cháu ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ - chị Nguyễn Thị P.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" không có tranh chấp con chung, tài sản chung, nợ chung và Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.1] Về thẩm quyền: bị đơn - chị Nguyễn Thị P có địa chỉ thường trú tại xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ hiện tại: Căn VA1901, Chung cư T, số A, đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Anh Phan Đức V hiện nay cư trú tại: G J, C, New South W, Australia, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều

28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì hiện nay nguyên đơn - anh Phan Đức V đang ở nước ngoài, anh V và chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, là phù hợp khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn - anh Phan Đức V: có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm K, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện tại: 76 J, C, New South W, Australia. Anh V không thể về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nên ủy quyền cho chị Lê Thị D, nơi cư trú: số B - B P, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nộp hồ sơ khởi kiện (có chứng thực của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Úc) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và anh V đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh V.

Đối với bị đơn - chị Nguyễn Thị P: đã trực tiếp đến Tòa án làm việc và tiếp cận, công khai chứng cứ, do công việc thường xuyên phải đi công tác, nên đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Đức V và chị Nguyễn Thị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa hai người hợp pháp. Tháng 6/2013, anh V sang Australia sinh sống và làm việc cho đến nay. Thời gian đầu, hai bên có liên lạc hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng bình thường. Tuy nhiên, sau đó hai bên thường xuyên cãi cọ nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, làm tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt. Xét thấy: tình trạng tình cảm vợ chồng giữa anh Phan Đức V và chị Nguyễn Thị P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần ghi nhận sự thống nhất, thỏa thuận giữa hai bên, áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, công nhận sự thuận tình giữa anh Phan Đức V và chị Nguyễn Thị P.

2.2. Về con chung: anh Phan Đức V và chị Nguyễn Thị P có 01 con chung là Phan Nguyễn Thành A, sinh ngày 05/11/2013, hiện đang sống cùng chị P. Anh V và chị P đã thỏa thuận giao con chung cho chị P nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao Phan Nguyễn Thành A cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh V và sự đồng ý của chị P, theo đó anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phan Nguyễn Thành A mỗi tháng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), kể từ tháng 3/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: anh Phan Đức V, chị Nguyễn Thị P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh V, chị P phải chịu án phí ly hôn; anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 55, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; các Điều: 37, 38, 39, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Đức V và chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Nguyễn Thành A, sinh ngày 05/11/2013.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phan Đức V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phan Nguyễn Thành A cho chị Nguyễn Thị P mỗi tháng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), kể từ tháng 3 năm 2025 đến khi Phan Nguyễn Thành A đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Anh Phan Đức V phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí; Trả lại cho anh Phan Đức V số tiền 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013605 ngày 05/12/2024 tại Cục thi hành

án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị P phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Phan Đức V đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghi Ân, TP . Vinh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Tiếp